

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng, bà Cao Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-7-2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2024/TB-XX ngày 02-8-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981.

Cùng đăng ký thường trú: Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Cùng tạm trú và nơi ở hiện nay: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chị H vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06-5-2024 và bản tự khai (sửa đổi) ngày 31-5-2024, nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 15-4-2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng gần như không có thời gian ở cạnh nhau do đặc thù công việc khác biệt. Chị làm công việc về thẩm mỹ làm đẹp tại nhà, còn anh L là lái xe khách, mỗi ngày thường rời nhà từ sớm và trở về nhà khi đã muộn. Giữa anh chị không có sự chia sẻ, không có tiếng nói chung. Các con tuy còn nhỏ nhưng anh L không có thời gian để hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con. Từ những mâu thuẫn đó, anh chị dần trở nên xa cách về mặt tình cảm, vợ chồng không có nhu cầu gần gũi, tuy sống chung một nhà nhưng chỉ như những người xa lạ, không ai quan tâm đến ai. Vì thương các con còn nhỏ nên chị cũng đã tìm cách để khắc phục mâu thuẫn nhưng tình cảm đã hết nên cố gắng của chị không có kết quả. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12-7-2017 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 14-4-2019.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06-5-2024, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền là 7.500.000 đồng/cháu/tháng.

Tại bản tự khai (sửa đổi) ngày 31-5-2024, chị thay đổi ý kiến về việc cấp dưỡng, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay, chị đang kinh doanh trong lĩnh vực làm đẹp, thu nhập bình quân là 25.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc của chị hoàn toàn có thể chủ động được, có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú, tạm trú tại phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 15-4-2015 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng khác biệt về tính cách và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh L không có sự chia sẻ, hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con cái. Anh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến hòa giải nhưng đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, thể hiện anh L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh L.

[2.2] Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12-7-2017 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 14-4-2019. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con của chị H là chính đáng. Các cháu D và H1 đều là con gái, vào thời điểm xét xử, cháu D đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý và phù hợp với nguyện vọng, mong muốn của cháu D nên giao cháu Nguyễn Ngọc D và cháu Nguyễn Ngọc H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12-7-2017 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 14-4-2019 cho đến khi cháu D và cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0000306 ngày 06-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Kim Anh

